

Số: 39 /NQ-HĐND

Cần Thơ, ngày 12 tháng 11 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của các dự án thuộc
Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Cần Thơ
từ các nguồn vốn ngân sách địa phương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BẢY**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của
Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội
đồng nhân dân thành phố về kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021 - 2025
của thành phố Cần Thơ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020
của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức
phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025
thành phố Cần Thơ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của
Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh Nghị quyết số 10/2020/NQ-
HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định
nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà
nước giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Cần Thơ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022
của Hội đồng nhân dân thành phố về việc sửa đổi điểm e khoản 1 Điều 1 Nghị
quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân*

dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố về Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Cần Thơ;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương: 57/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2021; 66/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021; 15/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022; 29/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022; 44/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022; 04/NQ-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2023; 05/NQ-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2023; 22/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023; 23/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023; 49/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023; 50/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023; 05/NQ-HĐND ngày 09 tháng 04 năm 2024; 13/NQ-HĐND ngày 26 tháng 04 năm 2024; 21/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2024;

Xét Tờ trình số 305/TTr-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao chi tiết, điều chỉnh bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh giảm kế hoạch vốn thực hiện của 33 dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 từ các nguồn vốn ngân sách địa phương, với tổng số vốn điều chỉnh giảm là 1.011,133 tỷ đồng (*Chi tiết theo phụ lục đính kèm*).

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

Ủy ban nhân dân thành phố chịu trách nhiệm toàn diện trước Hội đồng nhân dân thành phố, cơ quan thanh tra, kiểm toán, cơ quan liên quan khác về tính chính xác của thông tin số liệu của dự án, mức vốn phân bổ cho từng dự án theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa X, kỳ họp thứ mười bảy (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 12 tháng 11 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Cần Thơ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBND TP. Cần Thơ;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND quận, huyện;
- Website Chính phủ;
- TT. Điều hành đô thị thông minh;
- Trung tâm lưu trữ lịch sử;
- Báo Cần Thơ, Đài PT và TH TP. Cần Thơ;
- Lưu: VT, HĐ, 250.

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Hiếu



Phụ lục

DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH GIÁM KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 trước điều chỉnh	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cắt giảm	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				
	Tổng=A+B					17.254.654	6.055.699	2.424.993	5.234.321	-1.011.133	4.223.188
A	Dự án giám kế hoạch vốn					15.010.013	3.811.058	2.424.493	2.994.055	-542.938	2.451.117
I	Giao thông					12.538.713	1.810.220	1.742.303	1.467.437	-360.139	1.107.298
1	Xây dựng cầu Rạch Nhum và cầu Rạch Tra thuộc Đường tỉnh 922	Ô Môn - Thới Lai	B	2017-2020	2786/QĐ-UBND ngày 06/9/2016	99.425	99.425	86.988	5.961	-4.761	1.200
2	Đường tỉnh 922 (Xây dựng và nâng cấp giai đoạn 1 từ QL91B đến Cờ Đỏ)	Ô Môn - Thới Lai - Cờ Đỏ	B	2018-2021	1591/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 và 1543/QĐ-UBND ngày 25/6/2019; 1087/QĐ-UBND ngày 21/5/2021; 612/QĐ-UBND ngày 10/2/2022	1.494.617	149.461	1.343.037	23.597	-7.897	15.700
3	Cầu Vàm Xáng và đường nối từ cầu Vàm Xáng đến Quốc lộ 61C, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	Phong Điền	B	2019-2022	1205/QĐ-UBND ngày 21/5/2019	450.000		286.978	160.757	-16.034	144.723
4	Đường tỉnh 918, thành phố Cần Thơ (Xây dựng và nâng cấp giai đoạn 1 từ cầu Lộ Bức đến cuối đường Tỉnh 923)	Phong Điền	B	2020-2024	2184/QĐ-UBND ngày 09/10/2020; 2735/QĐ-UBND ngày 12/8/2020	324.245	116.005	25.000	123.983	-7.978	116.005
5	Đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 - Dự án thành phần 2 (đoạn đi qua TPCT)	Thới Lai - Cờ Đỏ - Vĩnh Thạnh	QTQG	2023-2026	290/QĐ-UBND ngày 09/02/2023	9.725.097	1.000.000		1.000.000	-300.000	700.000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư								
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 trước điều chỉnh	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cắt giảm	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 -2025 sau điều chỉnh
6	Cầu Cờ Đỏ trên đường tỉnh 919	Cờ Đỏ	B	2021-2024	1150/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 3772/QĐ-UBND ngày 02/11/2022	132.991	132.991	300	141.649	-11.979	129.670		
7	Trục đường Hẻm 91 (đoạn Long Tuyền - đường Vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ)	Bình Thủy	C	2022-2024	63/NQ-HĐND ngày 08/12/2021	312.338	312.338		11.490	-11.490	-		
II	Nông nghiệp, Thủy lợi, Thủy sản					1.574.707	1.104.245	525.179	786.884	-77.636	709.248		
1	Dự án Kè bờ sông Cần Thơ - Ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều - Cái Răng - Phong Điền	B	2017-2024	1027/QĐ-UBND 13/4/2016 3500/QĐ-UBND ngày 24/11/2021	1.095.360	624.898	523.481	330.884	-50.000	280.884		
2	Xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	B	2021-2024	3076/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	119.697	119.697	425	114.000	-11.366	102.634		
3	Xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Cờ Đỏ	Cờ Đỏ	B	2021-2024	3077/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	119.968	119.968	425	114.000	-4.425	109.575		
4	Xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Thới Lai	Thới Lai	B	2021-2024	3078/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	119.881	119.881	424	114.000	-6.493	107.507		
5	Xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Phong Điền	Phong Điền	B	2021-2024	3075/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	119.801	119.801	424	114.000	-5.352	108.648		
III	Tài nguyên					176.158	176.158	30.900	141.697	-58.200	83.497		
1	Xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai quận Thốt Nốt	Thốt Nốt	B	2020-2022	2627/QĐ-UBND 30/10/2019	94.192	94.192	30.100	60.697	-45.200	15.497		
2	Dự án xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu huyện Thới Lai	Thới Lai	B	2020-2023	2148/QĐ-UBND 6/10/2020	81.966	81.966	800	81.000	-13.000	68.000		
IV	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					120.460	120.460	200	120.260	-9.200	111.060		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trước điều chỉnh	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cắt giảm	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				
1	Dự án Đầu tư ngành nghề trọng điểm trường Cao đẳng nghề Cần Thơ			2021-2024	1346/QĐ-UBND ngày 24/6/2021	76.461	76.461	200	76.261	-7.200	69.061
2	Khu giảng đường dây D, E thuộc Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ			2022-2024	1499/QĐ-UBND ngày 15/7/2021	43.999	43.999		43.999	-2.000	41.999
V	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội					43.904	43.904	45	44.941	-3.241	41.700
1	Nâng cấp, cải tạo nhà điều hành Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Ninh Kiều	C	2021-2023	1187/QĐ-UBND ngày 01/6/2021	7.423	7.423		7.297	-614	6.683
2	Sửa chữa trụ sở làm việc của Liên Hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật thành phố	Ninh Kiều	C	2021-2022	130/QĐ-SXD ngày 04/6/2021	1.379	1.379		1.379	-213	1.166
3	Sửa chữa, cải tạo hệ thống PCCC kho lưu trữ lịch sử thành phố	Ninh Kiều	C	2022-2023	301/QĐ-SXD ngày 31/12/2021	2.018	2.018		1.905	-262	1.643
4	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Sở Giao thông vận tải	Ninh Kiều	C	2022-2023	197/QĐ-SXD ngày 19/10/2021	1.293	1.293	45	1.278	-369	909
5	Đầu tư trang bị phương tiện chuyên dùng phục vụ công tác cho lực lượng Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ Đường thủy nội địa trực thuộc Sở Giao thông vận tải	Ninh Kiều	C	2022-2024	03/QĐ-SKHDT ngày 17/01/2022	14.458	14.458		15.704	-1.366	14.338
6	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở Chi cục Kiểm lâm	Ninh Kiều	C	2023-2024	293/QĐ-SXD ngày 28/10/2022	2.347	2.347		2.382	-155	2.227
7	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Hội chợ triển lãm Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2022-2024	36/QĐ-SXD ngày 23/02/2022	14.986	14.986		14.996	-262	14.734
VI	Khoa học, Công nghệ					147.006	147.006	125.390	6.387	-787	5.600
1	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ TP. Cần Thơ	Ninh Kiều	B	2016-2020	3243/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	141.607	141.607	125.390	790	-469	321

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư									
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trước điều chỉnh	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cắt giảm	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	
2	Bảo trì trụ sở và nâng cấp thiết bị Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2022-2024	303/QĐ-SXD ngày 31/12/2021	5.399	5.399		0	14.865	-14.865	0	5.279	
VII	Y tế, dân số và gia đình					14.965	14.965							
I	Xây dựng Khoa hồi sức tích cực tại Bệnh viện Tim mạch thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2021-2023	1638/QĐ-UBND 8/7/2019	14.965	14.965				14.865	-14.865	-	
VIII	Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới					371.150	371.150		476	387.918	-17.244	370.674		
I	Khu tái định cư phường Long Hòa (khu 2)	Bình Thủy	B	2021-2025	795/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 2042/QĐ-UBND ngày 5/9/2023	371.150	371.150		476	387.918	-17.244	370.674		
IX	Quốc phòng, - An ninh và trật tự, an toàn xã hội					22.950	22.950		0	23.666	-1.626	22.040		
I	Xây dựng, cải tạo các buồng hỏi cung bị can	TP.Cần Thơ	C	2022-2024	52/QĐ-SXD ngày 16/12/2021	11.382	11.382			11.940	-978	10.962		
2	Trạm Cảnh sát giao thông đường thủy Hưng Phú của Công an thành phố Cần Thơ	Cái Răng	C	2022-2024	247/QĐ-SXD ngày 02/12/2021	11.568	11.568			11.726	-648	11.078		
B	Dự án chuyển nguồn vốn từ ngân sách địa phương sang trái phiếu chính quyền địa phương					2.244.641	2.244.641		500	2.240.266	-468.195	1.772.071		
I	Văn hóa - Thể dục thể thao					149.988	149.988		500	148.413	-50.000	98.413		
I	Thư viện thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	B	2024-2025	1321/QĐ-UBND ngày 5/6/2023	149.988	149.988		500	148.413	-50.000	98.413		
II	Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới					514.000	514.000		0	514.000	-50.000	464.000		
1	Khu tái định cư phục vụ Khu công nghiệp huyện Vĩnh Thạnh (giai đoạn 1)	Ninh Kiều	C	2023-2025	10/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND huyện Vĩnh Thạnh	514.000	514.000			514.000	-50.000	464.000		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trước điều chỉnh	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cắt giảm	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				
III	Giao thông					1.580.653	1.580.653	0	1.577.853	-368.195	1.209.658
1	Đường nối từ đường dẫn vào cầu Vàm Cống vào Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	B	2023-2025	08/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND huyện Vĩnh Thạnh	384.648	384.648		384.648	-50.000	334.648
2	Dự án Nâng cấp, cải tạo 05 nút giao thông trọng điểm trên địa bàn thành phố	Ninh Kiều	B	2024-2025	2791/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	1.196.005	1.196.005		1.193.205	-318.195	875.010